



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 09 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thử nghiệm DNP

Laboratory: DNP Laboratory

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP

Organization: DNP Production and Trading Joint Stock Company

Số hiệu/ Code: VILAS 1645

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: ISO/IEC 17025:2017

Lĩnh vực: Cơ

Field: Mechanical

Người quản lý/
Laboratory manager: Lê Trạc Giáp

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: Kể từ ngày /09/2026 đến ngày /09/2031

Địa chỉ: Lô 13, đường D4, khu công nghiệp Đất Đỏ 1, xã Đất Đỏ, thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Address: Lot 13, D4 street, Dat Do I IP, Dat Do Commune, Ho Chi Minh City,
Vietnam

Địa điểm: Lô 13, đường D4, khu công nghiệp Đất Đỏ 1, xã Đất Đỏ, thành phố
Hồ Chí Minh, Việt Nam

Location: Lot 13, D4 street, Dat Do I IP, Dat Do Commune, Ho Chi Minh City,
Vietnam

Điện thoại/ Tel: 0286 768 768

Email: info@nhuadongnai.vn

Website: www.nhuadongnai.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

VILAS 1645

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Hạt nhựa PE <i>Material PE</i>	Xác định chỉ số chảy. Phương pháp A <i>Determination of melt index. Method A</i>	≥ 0,1 g/10 min Nhiệt độ thử/ <i>Temperature testing:</i> 190 °C, 230 °C	ISO 1133-1:2022
2.		Xác định hàm lượng chất bay hơi <i>Determination of volatile content</i>	≥ 0,01 %	EN 12099:1997
3.		Xác định khối lượng riêng. Phương pháp A <i>Determination of density. Method A</i>	≥ 0,001 g/cm ³	ASTM D792-20
4.	Ống nhựa uPVC <i>Plastics pipe uPVC</i>	Xác định cường độ chịu kéo <i>Determination of tensile strength</i>	Đến/to 10 000 N	ISO 6259-2:2020
5.		Xác định độ giãn dài khi đứt <i>Determination of tensile elongation</i>	(0 ~ 920) mm	ISO 6259-2:2020
6.	Ống nhựa HDPE <i>Plastics pipe HDPE</i>	Xác định cường độ chịu kéo <i>Determination of tensile strength</i>	Đến/to 10 000 N	ISO 6259-3:2015
7.		Xác định độ giãn dài khi đứt <i>Determination of tensile elongation</i>	(0 ~ 920) mm	ISO 6259-3:2015
8.	Ống nhựa và phụ tùng uPVC, HDPE, PPR <i>uPVC, HDPE, PPR Plastic Pipes and Fittings</i>	Xác định độ bền chịu áp suất thủy tĩnh bên trong. Phương pháp thử nước trong nước <i>Determination of resistance to internal pressure. Method water in water</i>	(Ø20 ~ Ø 1600) mm; Nhiệt độ thử/ <i>Temperature testing:</i> 20°C; 21°C; 23°C; 60°C; 80°C; 95°C Áp suất thử/ <i>Pressure testing:</i> Đến/ To 100 bar	ISO 1167-1:2006 ISO 1167-2:2006 ISO 1167-3:2006 ISO 1167-4:2006 TCVN 6149-1:2007 TCVN 6149-2:2007 TCVN 6149-3:2007 TCVN 6149-4:2007
9.		Xác định bề dày thành <i>Determination of wall thickness</i>	≥ 0,1 mm	ISO 3126:2005 TCVN 6145:2007
10.		Xác định đường kính ngoài <i>Determination of outside diameter</i>	Đến/to 1900 mm	ISO 3126:2005 TCVN 6145:2007
11.		Xác định độ Ovan <i>Determination of oval</i>	Đến/to Ø300 mm	ISO 3126:2005 TCVN 6145:2007

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 1645**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
12.	Ống nhựa và phụ tùng uPVC, HDPE, PPR <i>uPVC, HDPE, PPR Plastic Pipes and Fittings</i>	Xác định áp suất phá nổ ở 23 °C. Phương pháp nước trong nước <i>Determination bursting pressure at 23 °C</i> <i>Method water in water</i>	Đến/ To Ø1000 mm	ASTM D1599-18 (2024) Quy trình/ Procedure A
13.	Ống nhựa uPVC <i>Plastic Pipes uPVC</i>	Xác định độ bền va đập ở 0 °C <i>Determination of impact resistance at 0 °C</i>	(Ø20 ~ Ø450) mm	ISO 3127:1994 TCVN 6144:2003

Ghi chú/Note:*ISO: International Organization for Standardization;**ASTM: ASTM International;*

Trường hợp Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for DNP Production and Trading Joint Stock Company that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

